



nǚ wáng

女王

noun • queen

Example Sentences

Yīng guó nǚ wáng hěn shòu rén mín ài dài
英国女王很受人民爱戴。

The British queen is very beloved by the people.

Tā zài wǔ huì shàng dǎ bàn de xiàng yī wèi nǚ wáng
她在舞会上打扮得像一位女王。

She dressed up like a queen at the ball.

Trace each character, then write the word on your own.

女 女 女 女 女 女